

NGHIÊN CỨU BÀI HỌC - MỘT CÁCH TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN.

● **TS. VŨ THỊ SƠN**

Đại học Sư phạm Hà Nội

● **NGUYỄN DUẬN**

Đại học Sư phạm - Đại học Huế

Năng lực nghề nghiệp của giáo viên (GV) có ảnh hưởng quyết định đến kết quả học tập của học sinh (HS). Cải tiến chất lượng dạy và học ở từng bài học nếu được gắn kết với bồi dưỡng năng lực của GV sẽ đảm bảo hiệu quả giáo dục (GD) nhiều mặt. Bài viết này sẽ đề cập đến cách tiếp cận phát triển năng lực nghề nghiệp của GV thông qua nghiên cứu cải tiến dạy học các bài học cụ thể tại các trường, đã được sử dụng thành công ở nhiều nơi trên thế giới và ở một số trường học ở Việt Nam.

1. Nghiên cứu bài học là gì?

Thuật ngữ nghiên cứu bài học (NCBH) (tiếng Anh là Lesson Study hoặc Lesson Research) được chuyển từ nguyên nghĩa tiếng Nhật (jugyou kenkyuu) [7]. Thuật ngữ NCBH có nguồn gốc trong lịch sử GD Nhật Bản, từ thời Meiji (1868 -1912), như một biện pháp để nâng cao năng lực nghề nghiệp của GV thông qua nghiên cứu cải tiến các hoạt động dạy học các bài học cụ thể. Cho đến nay, NCBH được xem như một mô hình hay một cách tiếp cận về phát triển năng lực nghề nghiệp của GV. Để hiểu về NCBH chúng ta sẽ xem xét một số đặc điểm cơ bản của nó.

1. Mục tiêu của NCBH là cải tiến, đổi mới thực tiễn dạy học của GV trong từng bài học cụ thể của chương trình. Fernandez và Yoshida (2004) chỉ ra rằng NCBH thu hút các GV vào cải tiến chất lượng dạy của họ và làm phong phú kinh nghiệm của họ về việc học của HS. Vì thế, NCBH gắn với thực tiễn dạy học trên lớp và kết quả mang lại là chất lượng học tập của HS tốt hơn. Stigler và Hiebert (1999) nhấn mạnh rằng sự thành công của NCBH được đo bằng việc học của GV, gắn với việc đổi mới phương pháp dạy ở từng bài học (dạy học vi mô). Lewis, Perry và Hurd (2004) đã viết NCBH không phải chỉ là việc cải tiến một bài học, nó là việc xây dựng

những con đường để cải tiến không ngừng việc dạy học (tr.18). Điều đó cho thấy, NCBH không đơn thuần chỉ là việc thực hiện một bài học cho thật tốt mà NCBH đòi hỏi một tư tưởng khoa học để làm chỗ dựa cho những cải tiến đó. Do vậy, NCBH mang lại sự trưởng thành, sự phát triển cho GV. Hơn nữa, NCBH kết gắn thực tiễn với lí thuyết. Theo AFT (American Federation of Teachers - Hội giáo chức Hoa Kỳ, www.aft.org), trọng tâm chính của NCBH là hiểu cách HS học và cách HS tư duy, suy nghĩ. Điều đó cho thấy sự phát triển nghề nghiệp của GV thông qua NCBH thực chất là cải tiến dạy (dựa trên cơ sở hiểu biết về việc học của HS) để làm cho cách học và cách tư duy của HS trở nên đúng đắn và hiệu quả hơn.

2. NCBH được thực hiện dưới sự hợp tác của các nhóm GV trong trường hay cụm trường (có thể có sự hỗ trợ từ các chuyên gia GD từ bên ngoài). Người ta nhấn mạnh rằng việc cải tiến thực tiễn dạy học trong từng lớp học không phải là được thực hiện đơn lẻ mà là sự phối hợp của một nhóm GV với nhau, tùy theo chủ đề mà GV lựa chọn để cải tiến dạy học của mình.

Trong quá trình NCBH, nhóm GV sẽ cùng nhau thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức quan sát giờ dạy của nhau, cùng chia sẻ, trao đổi với nhau về những điều quan sát được trong giờ học và đưa ra nhận xét về tác động của những lời giảng giải, các câu hỏi, các nhiệm vụ mà GV đưa ra cho HS ..., cùng nhau rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch bài học, nội dung và phương pháp dạy học .. để bài học được thực hiện ở các lớp khác tốt hơn. Vì thế, trong NCBH có những buổi làm việc của nhóm GV, những giờ dạy có nhiều người dự, những quan sát được thiết kế và thực hiện trong giờ học, những trao đổi sau giờ dạy. Các tác giả cũng lập luận rằng quá trình GV cùng làm việc với nhau đó làm cho kiến thức về

môn học, về phương pháp giảng dạy, kĩ năng hiểu và làm việc với HS của GV được tăng lên. Như vậy, NCBH có thể được xem là hình thức tự bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp của GV trong nhà trường [5].

3. NCBH là một quá trình tổ chức nghiên cứu cải tiến thực tiễn dạy học một cách khoa học [6]. NCBH - cải tiến bài học theo một định hướng lí luận và trải qua quá trình điều tra, thử nghiệm, đánh giá ... được thiết kế cẩn thận. Hàng loạt các hoạt động được xây dựng chặt chẽ như lựa chọn chủ đề nghiên cứu; xây dựng kế hoạch bài học; thực hiện bài học; kế hoạch và nội dung quan sát bài học (số liệu cần thu thập, cách ghi chép thông tin và chia sẻ những số liệu thu thập được); rút kinh nghiệm giờ dạy; chỉnh sửa kế hoạch bài học; thực hiện kế hoạch bài học sau khi đã chỉnh sửa ở lớp tiếp theo và tiếp tục quá trình đổi mới [6]. Như vậy, mỗi bài học nghiên cứu để cải tiến được nhóm GV phải đặt kế hoạch, xem xét, phân tích, đánh giá và điều chỉnh qua mỗi lần dạy ở một lớp.. Điều quan trọng là từng GV đã học được từ trong chính quá trình làm việc cùng nhau đó để cải tiến thực tiễn của lớp mình và trở nên chuyên nghiệp, lành nghề hơn.

Cerbin và Kopp (2006) đặc biệt nhấn mạnh về việc điều tra, tìm hiểu sự học tập của HS trong NCBH. Các tác giả viết NCBH nhìn sâu vào bên trong chiếc hộp đen xem cách HS học những cái họ dạy. NCBH tập trung vào những cái diễn ra trong quá trình bài học tiếp cận quá trình tư duy của HS để hiểu cách HS phân tích bài, chỗ nào HS bị vấp, sai lầm; cái gì khiến chúng bị lảm lẩn; cách chúng sắp đặt các ý lại với nhau; các sai sót nảy sinh và tiến triển như thế nào; tư duy của HS bị tác động như thế nào với từng phần trong bài... Chính vì thế, việc làm cho suy nghĩ của HS trở nên có thể nhìn thấy được, phát hiện được là một trong những kĩ năng mà GV sẽ học được và phát triển qua NCBH. Bên cạnh đó những kĩ năng quan sát, ghi chép và lưu trữ dữ liệu của GV cũng được phát triển. Mặt khác, khi tham gia NCBH GV đã trở thành người nghiên cứu, người cải tạo thực tiễn.

Tóm lại, NCBH được xem như một cách tiếp cận hay một mô hình phát triển năng lực nghề nghiệp của GV theo trường, cụm trường (hay quận/huyện) thông qua quá trình hợp tác giữa các GV (có thể sự phối hợp với các chuyên gia

GD ở bên ngoài) trong việc tổ chức nghiên cứu cải tiến thực tiễn dạy học những nội dung cụ thể trong chương trình. Từ cách xác định NCBH như trên có thể thấy *NCBH có một số thuộc tính cơ bản*:

- (1) Sự hợp tác của các GV;
- (2) Mục tiêu thực tiễn - cải tiến bài học cụ thể;
- (3) Cơ sở lí luận để định hướng cho cải tiến dạy học, thực tiễn gắn với lí luận;
- (4) Một quá trình thu thập, xử lí dữ liệu (quan sát, phỏng vấn HS);
- (5) Những cuộc thảo luận và rút kinh nghiệm chung giữa các GV.

Những phân tích trên cho thấy NCBH có mục tiêu kép là hướng vào cải tiến thực tiễn dạy học (về phương pháp và kĩ thuật dạy học bài học nào đó) và nhờ đó, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu cải tạo thực tiễn của GV được phát triển. Vì thế, NCBH sẽ tác động đến cả 3 thành phần: năng lực nghề nghiệp, thực tiễn dạy học của GV và việc học tập của HS. Tuy nhiên cần tránh những hiểu nhầm về NCBH như: (1) NCBH không phải là các lớp đào tạo, bồi dưỡng GV; (2) NCBH không phải là để đưa ra những giáo án tốt, tuyệt vời; (3) NCBH không được thực hiện đơn độc, riêng biệt bởi từng GV; (4) NCBH không phải chỉ là việc thực hiện xong 1 bài học, mà cải tiến và phát triển bài học liên tục, tăng cường năng lực thực hiện của GV.

2. Phân biệt NCBH với cách bồi dưỡng GV hiện nay

Như đã trình bày ở trên, NCBH là một mô hình bồi dưỡng, phát triển GV, nhưng nó có sự khác biệt cơ bản với cách bồi dưỡng truyền thống ở chỗ:

Thứ nhất, thay cho việc cung cấp kiến thức được xác định từ các chuyên gia bên ngoài nhà trường, NCBH xuất phát từ chính nhu cầu giải quyết vấn đề thực của trường mà GV đang phải đối mặt.

Thứ hai, quan hệ bình đẳng giữa những người tham gia NCBH khác với quan hệ thứ bậc, giữa người dạy và người học trong các lớp tập huấn.

Thứ ba, trong các lớp tập huấn, GV là người tiếp nhận những kiến thức mới (ở vị thế bị động), còn trong NCBH GV giữ vai trò là một người cải cách, một nhà quan sát, tự đánh giá thực tiễn của mình và nhà nghiên cứu phát triển [2].

3. NCBH diễn ra như thế nào?

Quá trình NCBH diễn ra qua nhiều bước và có các cách phân chia các bước khác nhau. Có tác giả chia quá trình NCBH thành 3 giai đoạn: (1) Đặt kế hoạch; (2) Thực hiện bài học nghiên cứu; (3) Các hoạt động sau khi thực hiện bài học (hay còn gọi tên là giai đoạn suy ngẫm, phản ánh, phê phán); Ở tất cả các bước của quá trình NCBH đều có sự hợp tác của các GV.

Lewis (2002) chia quá trình NCBH thành 4 bước [5]:

3.1. Tập trung vào bài học nghiên cứu - Đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho HS (chúng ta mong muốn HS tốt nghiệp sẽ có những phẩm chất nào mục tiêu dài hạn) và lựa chọn những trọng tâm dựa trên thảo luận của nhóm về chuẩn và về những chủ đề mà HS đang gặp khó khăn;

3.2. Đặt kế hoạch cho bài học nghiên cứu nghiên cứu các tài liệu đã có về bài học, dựa trên những bài học tốt để vạch ra các hoạt động trong bài học để đạt được những mục tiêu đã đặt ra, đưa HS từ trạng thái hiện có đến trạng thái mong muốn; đặt kế hoạch cụ thể của bài học và dự kiến HS sẽ suy nghĩ như thế nào; xác định những dữ liệu cần thu thập để nhận biết động cơ, hành vi học tập của HS;

3.3. Dạy và thảo luận về bài học nghiên cứu đã được thực hiện (mỗi bài dạy được nối tiếp bằng một cuộc trao đổi sau đó) người đầu tiên trong nhóm sẽ dạy ở lớp mình để các GV khác trong nhóm tiến hành quan sát và thu thập số liệu về học tập của HS như đã định; sau đó thảo luận về bài học đã được thực hiện (trước hết người vừa dạy nói về những khó khăn trong bài; sau đó những người dự trao đổi, tập trung vào những dữ liệu đã thu được về bài học, học tập của HS, không phải về người GV). Do đó, bài học là thuộc về cả nhóm không phải của người dạy. Điều này phản ánh tính nhân văn trong NCBH, bài học cần được xem xét, phê phán để hoàn thiện chứ không phải bản thân người GV và năng lực của họ cần được phân tích, phê phán.

3.4. Suy ngẫm và tiếp tục dạy hay đặt kế hoạch tiếp theo - ở đây có thể có nhiều câu hỏi được đặt ra và giải đáp như: các GV như có tiếp tục nghiên cứu bài học này không? Nếu có thì cần điều chỉnh chỗ nào? Cái gì đã làm tốt và cái gì bạn muốn thay đổi ở lần tiếp theo? Những vấn đề nào đã nảy sinh mà bạn muốn giải quyết ở

vòng sau?

Như vậy, nếu quá trình NCBH được thực hiện một lần ở một lớp được xem như một đơn vị thì chu trình tiến hành một NCBH có thể bao gồm nhiều quá trình đơn vị. Mỗi quá trình NCBH đơn vị tiếp nối nhau và hồ sơ bài học sẽ được tiếp thu, phát triển và hoàn thiện. Chu trình này bảo đảm cho quá trình NCBH được chỉnh sửa, thực hiện, đánh giá và hoàn thiện liên tục.

4. Những lợi ích từ NCBH là gì?

NCBH được sử dụng như là một mô hình bồi dưỡng, phát triển nghiệp vụ cho GV bởi nó mang lại cho các GV nhiều lợi ích khi tham gia [1],[2],[6].

Thứ nhất, khi tham gia vào NCBH để cải tiến dạy học nội dung cụ thể GV sẽ hiểu về nội dung đó hơn và suy nghĩ nhiều về cách dạy nội dung đó.

Thứ hai, NCBH cung cấp cho GV cơ hội để xem xét việc dạy và học diễn ra trong thực tiễn một cách khách quan thông qua dữ liệu quan sát giờ học trực tiếp hoặc gián tiếp (qua số liệu quan sát của các GV khác, băng hình, ý kiến nhận xét...). Do đó, GV phát hiện và đánh giá được mức độ tác động của những phương pháp và kĩ thuật dạy học mình sử dụng đến việc học tập của HS.

Thứ ba, NCBH đặt trọng tâm vào học tập của HS. Thông qua quan sát và thảo luận về những gì đang xảy ra trong lớp học, cách HS phản ứng với các tác động, GV tham gia có nhận thức đầy đủ hơn về cách HS học và suy nghĩ cũng như cách HS hiểu bài, đáp lại những cái GV dạy. Hơn nữa, tham gia NCBH giúp GV nâng cao kĩ năng quan sát và thiết kế công cụ để làm cho học tập và tư duy của HS trở nên dễ hiểu đối với GV, có thể nhìn thấy được.

Thứ tư, NCBH thúc đẩy, duy trì sự hợp tác giữa các GV. Việc hợp tác này thu hẹp khoảng cách giữa các thành viên trong nhóm nghiên cứu và góp phần tạo ra không khí hợp tác, đoàn kết trong nhà trường. NCBH tạo ra cộng đồng học tập, văn hoá học tập và củng cố tinh đồng nghiệp trong nhà trường.

Thứ năm, tham gia vào NCBH GV thực hiện vai trò của người nghiên cứu, cải tạo thực tiễn và họ trở nên vững vàng hơn về chuyên môn, nghiệp vụ và tự tin hơn trong việc giải quyết vấn đề của thực tiễn để nâng cao chất lượng dạy học của mình.

5. Đôi nét về lịch sử phát triển của NCBH

NCBH cho đến nay, vẫn phổ biến ở nhiều trường ở Nhật Bản và được xem như một hình thức chủ yếu để phát triển năng lực chuyên môn của GV tại trường. NCBH cũng đã được giới thiệu ở nhiều nước như Mỹ, Đức, Úc, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Indonesia... và là một chủ đề GD được quan tâm trên thế giới [4]. Từ những năm cuối thế kỉ trước (1990) NCBH đã được du nhập vào Mỹ một cách nhanh chóng, theo Lewis (2006) ở Mỹ đã có 24 trường đại học có các nhóm NCBH.

Ở Châu Á, NCBH đã xuất hiện ở một số nước như Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Indonesia, Thái Lan, Malaysia và Việt Nam. Từ đầu năm 2000, hình thức NCBH đã được vận dụng ở Việt Nam nhưng còn ít và rải rác. Dự án hợp tác kĩ thuật giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và JICA (Tổ chức phát triển hợp tác quốc tế của Nhật Bản) về "Tăng cường bồi dưỡng GV theo cụm trường và quản lí nhà trường ở Việt Nam 2006 - 2007" là một trong những nghiên cứu vận dụng NCBH.

Bài viết này vừa mô tả sơ lược về mô hình NCBH cho phát triển nghề nghiệp của GV. Tác động tích cực của NCBH đối với sự phát triển của GV, HS, văn hoá của nhà trường... đã được khẳng định. Ở Việt Nam, sinh hoạt chuyên môn thường xuyên ở các trường đã được dự án hợp tác giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và JICA tổ chức theo hướng NCBH và đã có những kết quả tích cực. Hướng phát triển này của NCBH có thể là kinh nghiệm tốt để đưa NCBH vào nhà trường Việt Nam nhằm cải tiến dạy học một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ng. T. Duyên, *Sử dụng nghiên cứu bài học để nâng cao chất lượng của việc dạy và học toán ở trường trung học phổ thông*. Tạp chí Khoa học và Giáo dục, ĐHSP Huế, 2007.
2. Trần Vui, *Sử dụng nghiên cứu bài học như một công cụ phát triển nghiệp vụ của giáo viên toán*. Tạp chí Giáo dục, Số 151, 2006.
3. Vũ Sơn và các tác giả. *Biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo viên dạy học sức khoẻ ở lớp ghép*. Hội Đồng Anh, Việt Nam & Viện Khoa học GD, 2002-2003.
4. A. Takahashi. *Implementing lesson study in North American schools and school districts*. DePaul University. (www.crme.kku.ac.th)
5. A. Takahashi et al. *Developing good mathematics practice through lesson study: A U.S. perspective*. APEC-Tsukuba International Conference Japan, 2006.

6. W. Cerbin & B. Kopp (2006). *Lesson Study as a Model for Building Pedagogical Knowledge and Improving Teaching*. Int Journal of Teaching and Learning in Higher Education, Vol. 18, No. 3, ISSN 1812-9129, 250-257, 2006.
7. Fernandez & Yoshida, *A Japanese approach to improving mathematics teaching and learning*. Routledge, 2004.
8. Fernandez, C. (2005). *Lesson study: A means for elementary teachers to develop the knowledge of mathematics needed for reform-minded teaching?* Mathematical Thinking and Learning, 7(4), 265-289.
9. Lewis, C., et al (2006). *How should research contribute to instructional improvement? The case of lesson study*. Educational Researcher, 35(3), 3-14.
10. Lewis, C. & Tsuchida, I. (1998). *A lesson is like a swiftly flowing river: Research lessons and the improvement of Japanese education*. American Educator, Winter, 14-17 & 50-52.
11. Makoto Yoshida (2003). *Overview of Lesson Study in Japan*. www.lessonstudy.com
12. Murata A. , Bindu E. Pothen (2008). *Lesson study: Measuring growth in teacher knowledge* www.calessonstudy.org/2008/docs/proceedings/Bindu_Pothen.pdf
13. Takuya Baba (2007). *"Japanese education and Lesson study: Overview"*. Trong cuốn: "Japanese lesson study in Mathematics. Its impact, diversity and potential for educational improvement". Masami Isoda, Takeshi Miyakawa (é?i h?c Tsukuba, Nhật Bản), Max Stephens (ĐH Melbourne, Úc) & Yutaka Ohara (éHSP Naruto, Nhật Bản).
14. Vu S. (2005). *Improving teaching and learning for health in multigrade schools in Vietnam*. Luận án Tiến sĩ Viện Nghiên cứu Giáo dục, ĐH Luân Đôn (Tiếng Anh)
15. *Lesson study: A challenge for quality improvement in education*. 1st International Conference on Lesson Study (31/7-1/8/2008) , ĐHSP Indonesia. www.upi.edu
17. *Translating Lesson Study From Japan to the United States*. www.corwinpress.com

SUMMARY

Lesson Study is used to refer an approach to teacher professional development through a school-based collaboratively research process for improvement of teaching and learning in a particular curriculum area. The article introduces main characteristics of the lesson study process, by which a group of teachers collaborates with each other to co-design lesson plan, -implement and make observations of classroom teaching and learning, -debrief based on evidence found in the classroom and -revise the lesson plan based on group's reflection for re-teach the lesson in other classrooms. This model has been used successfully in many countries and in several schools in Vietnam. It can be applied into school for promoting teaching and learning innovation.